

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
V/v: “ Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Nguyễn Văn Mẫn

- T ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Là T ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Trong ngày 30 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 04 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Minh T – Sinh năm: 1993 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp G, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Bùi Quốc C – Sinh năm: 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp G, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Bùi Minh T trình bày: Chị và anh C tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn vào ngày 15/02/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Giữa chị và anh C cũng đã tìm cách tháo gỡ những khó khăn trong cuộc sống vợ chồng nhưng không mang lại kết quả. Đến tháng 7 năm 2018, chị và anh C đã ly thân nhau cho đến nay. Xét thấy giữa chị và anh C không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu ly hôn anh C. Về con, chị xác định chị và anh C có một con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 22/5/2008. Hiện còn đang sống với anh C. Chị tự nguyện giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2019, anh Bùi Quốc C xác định trình bày của chị T về hôn nhân, con cái, tài sản và nợ chung là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng được anh C xác định là do chị T đã có người khác nên thay lòng và giữa anh và chị T đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, giao con cho anh tiếp tục nuôi dưỡng không cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại Khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh C có địa chỉ cư trú tại ấp G, xã B, huyện Giồng Riềng nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Bùi Quốc C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án. Nên căn cứ quy định tại Khoản 1- Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Minh T và anh Bùi Quốc C, Hội đồng xét xử xét thấy anh chị tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được anh chị dàn xếp nhưng không mang lại kết quả. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị T và anh C không đồng nhất. Nhưng xét thấy chị T và anh C đã ly thân với nhau trong một thời gian dài mà không có mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị T yêu cầu ly hôn với anh C và anh C cũng đồng ý ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung, chị T và anh C cùng xác định anh chị có với nhau một con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 22/5/2008, hiện cháu N đang sống với anh C. Chị T có ý kiến tự nguyện giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cũng chấp nhận. Xét theo nguyện vọng của cháu Ngân thì cháu có nguyện vọng sống với anh C. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 – Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Bùi Thị Kim N, sinh ngày 22/5/2008 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh C đồng ý với việc chị T không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị T, anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 8 - Điều 26; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 1141 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 28; Khoản 01 – Điều 35; điểm a – Khoản 01 – Điều 39; Khoản 4 - Điều 147; Khoản 1 - Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 56; Khoản 2 - Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Bùi Minh T được ly hôn với anh Bùi Quốc C

2. Về con chung: Xử giao cháu Bùi Thị Kim N – Sinh ngày: 22/5/2008 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Bùi Minh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 1141 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/5/2019). Riêng anh C vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã B;
- Các đ-ơng sự;
- L- u.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương